

Số: 436/TB-CCTHADS

Tân Trụ, ngày 04 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc ban hành Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án;

Căn cứ Quyết định số 658/2017/QĐ-PT ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án số 02/2016/KDTM-ST ngày 05/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án số 1483/2011/DSPT ngày 01/12/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản án số 54/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 224/QĐ-CCTHADS ngày 08/02/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án số 04/QĐ-CCTHADS ngày 22/02/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 249/QĐ-CCTHADS ngày 22/02/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 246/QĐ-CCTHADS ngày 22/02/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 223/QĐ-CCTHADS ngày 08/02/2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 06/QĐ-CCTHADS ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

Căn cứ biên bản kê biên, xử lý tài sản ngày 20/5/2022;

Xét thấy đương sự không thỏa thuận được về giá tài sản và về tổ chức thẩm định giá.



Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An thông báo lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án như sau:

1. Người có tài sản thẩm định giá: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

2. Tài sản thẩm định giá

Tài sản 1

1. Quyền sử dụng đất

- Thửa đất số 185 tờ bản đồ số 01, diện tích 2.091 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 619879, số vào sổ cấp GCN số H00848, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 13/7/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 112, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 2098,4 m²

- Thửa đất số 2150 tờ bản đồ số 01, diện tích 251 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AK 693844, số vào sổ cấp GCN số H00935, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 31/10/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 113, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 237,6 m²

- Thửa đất số 2266 tờ bản đồ số 01, diện tích 2.222 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AN 244927, số vào sổ cấp GCN số H01392, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 30/7/2008; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 140, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 2218,1 m²

Tình trạng tài sản: diện tích hành lang bảo vệ an toàn giao thông thửa số 140 là 134,5 m²

Vị trí, ranh giới, diện tích thực tế các thửa đất theo Mạnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng lý đất đai tại huyện Tân Trụ

(Các thửa đất trên tọa lạc tại ấp 4, xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An).

2. Tài sản gắn liền với đất

- Hàng rào: dài 256,9 m

Kết cấu: xây gạch tô xi măng cao 1m, đà kiềng bên dưới, cột bê tông đúc sẵn, bên trên gắn lưới B40 cao khoảng 1,2m, hàng rào thửa đất 140 gắn thanh xi măng đúc sẵn

- Cây trồng:

1/ Cây mít : 04

2/ Cây xoài: 16

3/ Cây ổi: 62

Tài sản 2

* Quyền sử dụng đất:

1. Thửa đất số 193 tờ bản đồ số 01, diện tích 2.733 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 612811, số vào sổ cấp GCN số H00814, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 21/5/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 2727,7 m²

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 95 là 462,0 m²

2. Thửa đất số 195 tờ bản đồ số 01, diện tích 1.626 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 612812, số vào sổ cấp GCN số H00813, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 21/5/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 122, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 1624,8 m²

Tình trạng tài sản:

- Diện tích hành lang bảo vệ an toàn giao thông thửa 122 là 138,4 m²
- Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa 122 là 11.0 m²

3. Thửa đất số 194 tờ bản đồ số 01, diện tích 4.145 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 612808, số vào sổ cấp GCN số H00811, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 21/5/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 3980,2 m²

Tình trạng tài sản:

- Diện tích hành lang bảo vệ an toàn giao thông thửa số 130 là 278,7 m²
- Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 130 là 1124,0 m²

4. Thửa đất số 102 tờ bản đồ số 01, diện tích 4.227 m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, GCN QSDĐ số AI 612810, số vào sổ cấp GCN số H00815, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 21/5/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 3921,7 m²

Tình trạng tài sản:

- Diện tích trong vùng phụ cận bảo vệ sông Cai Tài thửa số 73 là 431,7 m²
- Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 73 là 478,6 m²

5. Thửa đất số 101 tờ bản đồ số 01, diện tích 3.357 m², mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác (BHK), GCN QSDĐ số AI 619877, số vào sổ cấp GCN số H00846, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 13/7/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 3044,3 m²

Tình trạng tài sản:

- Diện tích trong vùng phụ cận bảo vệ sông Cai Tài thửa số 74 là 465,6 m²
- Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 74 là 651,4 m²

6. Thửa đất số 2137 tờ bản đồ số 01, diện tích 400 m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn (ONT), GCN QSDĐ số AI 619880, số vào sổ cấp GCN số H00849, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 13/7/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 400 m²



Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 89 là 18,6 m²

7. Thửa đất số 189 tờ bản đồ số 01, diện tích 1048 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 619878, số vào sổ cấp GCN số H00847, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 13/7/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 92, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 955,6 m²

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa số 92 là 19,9 m²

8. Thửa đất số 2149 tờ bản đồ số 01, diện tích 220 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AK 693821, số vào sổ cấp GCN số H00934, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 29/10/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 93, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 266,5 m²

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa 93 là 127,0 m²

9. Thửa đất số 2129 tờ bản đồ số 01, diện tích 934 m², loại đất: LUC, GCN QSDĐ số AI 612809, số vào sổ cấp GCN số H00812, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 21/5/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 729,2 m²

Tình trạng tài sản: Diện tích hành lang đường điện 500 KV thửa 94 là 366,5 m²

10. Thửa đất số 187 tờ bản đồ số 01, diện tích 159 m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn (ONT), GCN QSDĐ số AI 619734, số vào sổ cấp GCN số H00845, UBND huyện Tân Trụ cấp ngày 29/6/2007; Theo hệ thống bản đồ mới là thửa đất số 109, tờ bản đồ số 8, diện tích thực tế là 159 m²

Vị trí, ranh giới, diện tích thực tế các thửa đất trên theo Mạnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng lý đất đai tại huyện Tân Trụ

(Các thửa đất trên tọa lạc tại ấp 4, xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An)

Tình trạng tài sản:

- Trên khu đất có 01 trụ điện cao thế 500 KV; đường dây cao thế 500 KV đi ngang qua khu đất, cơ quan có thẩm quyền đã đền bù thiệt hại do bị hạn chế khả năng sử dụng đất

- Phần diện tích thuộc hành lang an toàn đường điện 500 KV bị hạn chế khả năng sử dụng đất theo quy định pháp luật; người mua tài sản vẫn được làm thủ tục cấp GCN QSDĐ theo quy định Điều 166 Luật Đất đai

- Hiện trạng các thửa đất đã san lấp, có ranh giới rõ ràng, hàng rào bao quanh khu đất.

* Nhà ở

1/ Nhà 1: diện tích 211,9 m² (xây dựng trên thửa đất số 73, TĐĐ số 8)

Kết cấu: loại nhà tạm; đà bê tông cốt thép, cột bê tông đúc sẵn, mái tole xi măng, đòn tay gỗ tạp, vách tường gạch, tô xi măng, không cửa.

2/ Nhà 2: diện tích 108,2 m² (xây dựng trên thửa đất số 73, TĐĐ số 8)

Kết cấu: loại nhà tạm; đà bê tông cốt thép, cột bê tông đúc sẵn, mái tole xi măng, đòn tay gỗ tạp, vách tường gạch, tô xi măng, không cửa.

3/ Nhà 3: diện tích 88,8 m², (một phần diện tích nhà xây dựng trên thửa 89 TĐĐ số 8 và một phần diện tích nhà xây dựng trên thửa 92 TĐĐ số 8).

Kết cấu xây dựng: loại nhà bán kiên cố, 02 tầng; cột gỗ, cầu thang gỗ, mái ngói, đòn tay bằng gỗ tạp; tầng dưới không vách, lát gạch tàu + ceramic; tầng trên vách gỗ, sàn gỗ tạp.

* Tài sản gắn liền với đất

- Đường bê tông nội bộ: diện tích 603,6 m², trong đó: thửa 95 là 225,6 m²; thửa 130 là 319,1 m²; thửa 73 là 39,3 m²; thửa 94 là 19,6 m²

Kết cấu: đường bê tông nội bộ làm bằng bê tông

- Hàng rào:

Hàng rào: dài 476,7 m

Kết cấu: xây gạch tô xi măng cao 1m, đà kiềng bên dưới, cột bê tông đúc sẵn, bên trên có lưới B40 cao khoảng 1,2m, hàng rào tiếp giáp sông Cai Tài gắn thanh xi măng đúc sẵn.

- Giếng khoan: 01 cái (đã hư hỏng)

- Cây trồng:

1/ Cây sứ : 64

2/ Cây mít: 64

3/ Cây vú sữa: 03

4/ Cây nhãn: 18

5/ Cây mai vàng: 11

6/ Cây ổi: 25

7/ Cây Sapochê: 12

8/ Cây Sakê: 02

9/ Cây dứa: 18

10/ Cây xoài: 47

11/ Cây Sơ ri: 02

12/ Cây bưởi: 01

3. Yêu cầu đối với các tổ chức thẩm định giá

- Có năng lực pháp lý;



- Có năng lực kinh nghiệm;
- Có năng lực tài chính;
- Các tiêu chí khác.

(Theo quy định Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc ban hành Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành án).

4. Hồ sơ của tổ chức thẩm định giá

Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá; Biểu chi phí thẩm định giá

Hồ sơ năng lực (Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; dịch vụ công ty cung cấp; mô hình, quy trình thực hiện; nhân sự; giấy tờ pháp lý; dự án tiêu biểu,...) và các tài liệu khác có liên quan.

Tổ chức thẩm định giá cung cấp bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành.

Cơ quan Thi hành án dân sự sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đối với tổ chức thẩm định giá không được lựa chọn.

5. Hình thức nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức thẩm định giá: nộp trực tiếp tại cơ quan THADS

6. Thời gian nộp hồ sơ: 02 ngày làm việc liên tiếp kể từ thời điểm đăng thông báo.

7. Địa điểm nộp hồ sơ

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An - địa chỉ: đường Trương Gia Mô, khu phố Bình Hòa, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An - ĐT cơ quan: 02723.867232

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ thông báo để các tổ chức thẩm định giá tài sản biết và nộp hồ sơ đăng ký thẩm định giá.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh (để đăng tải);
- Cổng TTĐT TCTHADS (để đăng tải);
- Niêm yết tại Chi cục;
- Lưu VT, HS.THA.



Trần Quốc Việt